

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12 -13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 51

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (“Quỹ”) được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 08 tháng 09 năm 2015. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 60.653.750.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.065.375,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 653.258.017.000 đồng Việt Nam, tương đương với 65.325.801,70 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Hồ Hùng Anh – chức danh Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Ông Đặng Lưu Dũng – chức danh Giám đốc được Ông Hồ Hùng Anh ủy quyền ký báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016 theo Giấy ủy quyền số 01E/2015/UQ-CT ngày 1 năm 1 năm 2015.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Minh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Ông Phan Lê Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Ông Đặng Thế Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Theo ý kiến của Ban Đại diện Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, tình hình đầu tư và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Xuân Minh
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 Mục tiêu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là 7,57% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo.

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư. Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

Chiến lược đầu tư tạm thời khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các Nhà Đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Quỹ chủ yếu sẽ đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết và chuẩn bị niêm yết trong vòng 12 tháng. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết hoặc trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các Công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Ngoài ra, Quỹ sẽ đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng, chủ yếu gồm cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, Công ty Quản lý Quỹ đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các Công ty đầu ngành và các Công ty có triển vọng trở thành Công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của Công ty sẽ thực hiện đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ (tiếp theo)

Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ trái phiếu sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng trái phiếu cụ thể thông qua việc đánh giá đơn vị phát hành và các diễn biến riêng lẻ của các trái phiếu này trước tác động của khuynh hướng thị trường.

1.4 Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Pháp luật.

1.5 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015.

1.6 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 653.258.017.000 đồng Việt Nam, tương đương với 65.325.801,70 chứng chỉ quỹ.

1.7 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban Đại diện quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:

- ▶ Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp luật; hoặc
- ▶ NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp luật.

Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau :

- ▶ Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- ▶ Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- ▶ Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Mỗi Nhà đầu tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn vị Quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong năm và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn vị Quỹ, NAV trên Đơn vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

1.8 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 Cơ cấu tài sản Quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 %
Danh mục chứng khoán	54,77%	74,00%
Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	43,75%	22,06%
Tài sản khác	1,48%	3,94%
	100%	100%

2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	710.988.376.645	62.222.490.113
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	65.325.801,70	6.149.619,96
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	10.883,72	10.118,10
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	10.883,72	10.152,27
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	10.167,46	9.989,56
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm báo cáo	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	7,57%	1,18%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng	Không áp dụng
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	443,93%	NA
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Ngày chốt quyền	Chưa phân phối	Chưa phân phối
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,43%	0,88%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	492,18%	57,38%

2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	7,57%	7,57%
Từ khi thành lập	8,84%	29,73%

2.4 Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	Năm 2016	Năm 2015
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	7,57%	1,18%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

Kinh tế vĩ mô năm 2016

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, tăng trưởng GDP năm 2016 của Việt Nam đạt mức 6,21%, thấp hơn mức Quốc hội đề ra (6,7%) nhưng vẫn cao hơn so với dự đoán của Ngân hàng Thế giới (6%). Mức tăng trưởng GDP suy giảm chủ yếu đến từ khu vực nông nghiệp (chỉ tăng 1,36%, thấp nhất kể từ năm 2011) và khu vực công nghiệp (tăng 7,57%, thấp hơn mức 9,8% năm 2015). Nguyên nhân do năm 2016 hai khu vực này chịu ảnh hưởng của hiện tượng El Nino và việc giảm giá hàng hóa cơ bản.

Cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam năm 2016 xuất siêu 2,68 tỷ USD. Mặc dù Trung Quốc vẫn là thị trường nhập siêu lớn nhất với 28 tỷ USD trong năm 2016 nhưng điểm đáng chú ý là nhập siêu từ thị trường này đã giảm 15% so với năm 2015. Trong khi đó, nhập siêu từ Hàn Quốc tăng 8%; nhập siêu từ ASEAN tăng 12,5%. Hai thị trường vẫn giữ được mức xuất siêu lớn là Hoa Kỳ với 29,4 tỷ USD, tăng 14,8% so với năm 2015; EU là 22,9 tỷ USD, tăng 12,3% (Nguồn: Tổng cục thống kê).

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm 2016 ước đạt 20,9 tỷ USD, giảm 8,2% so với mức 22,76 tỷ USD của năm 2015. Về giải ngân, vốn FDI thực hiện trong năm 2016 ước đạt 15,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2015, đồng thời cũng là mức giải ngân cao nhất từ trước tới nay (Nguồn: Bộ Kế hoạch Đầu tư).



Chỉ số giá tiêu dùng năm 2016 tăng 4,74%, so sánh với mức 0,63% năm 2015. Nguyên nhân do nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi trong khi giá dầu thô tăng trở lại khiến giá xăng trong nước liên tục được điều chỉnh. Bên cạnh đó, giá các mặt hàng dịch vụ y tế và giáo dục tăng lần lượt 55,72% và 10,81% so với cùng kỳ năm trước, góp phần tạo áp lực lên chỉ số CPI.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

Kinh tế vĩ mô năm 2016 (tiếp theo)

Bên cạnh đó, tỷ giá hối đoái năm 2016 ở mức ổn định so với năm 2015 do Ngân hàng Nhà nước ("NHNN") áp dụng chính sách điều hành linh hoạt thông qua tỷ giá trung tâm. Dự trữ ngoại hối được duy trì ở mức khá (41 tỷ USD) sau khi NHNN mua vào 11 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm, tạo điều kiện cho NHNN giữ ổn định tỷ giá. Tuy nhiên, diễn biến tỷ giá căng thẳng vào hai tháng cuối năm 2016 khi FED chính thức tăng lãi suất và kỳ vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ khả quan, khiến USD Index đạt đỉnh ở mức 103 điểm.

Thị trường trái phiếu năm 2016

Trên thị trường sơ cấp, giá trị trúng thầu toàn thị trường đạt 316.729 tỷ đồng, tăng gần 1,3 lần so với năm 2015, góp phần tích cực vào cân đối Ngân sách và bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các công trình trọng điểm. Tỷ lệ trúng thầu đạt gần 65%, cao nhất trong 4 năm trở lại đây. Bên cạnh đó, quy mô thị trường Trái phiếu chính phủ ("TPCP") ngày càng được mở rộng với tổng dư nợ TPCP tại 31/12/2016 đạt 742.755 tỷ đồng, tăng 1,3 lần so với năm 2015. Ước tính đến cuối năm 2016, dư nợ TPCP đạt khoảng 26% GDP.

Thị trường thứ cấp năm 2016 cũng diễn ra rất sôi động với hơn 1,6 triệu tỷ đồng giá trị trái phiếu được giao dịch, tăng 73,84% so với năm 2015. Về cơ cấu nhà đầu tư, Khối Ngân hàng thương mại vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất với 85% giá trị giao dịch.

Đối với giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, mặc dù tổng quy mô giao dịch năm 2016 tăng nhẹ về khối lượng nhưng tỷ trọng giao dịch so với toàn thị trường giảm mạnh (từ 7,47% xuống 4,37%).

Nhìn chung, trái phiếu Chính phủ năm 2016 được tập trung phát hành ở các kỳ hạn dài, với kỳ hạn phát hành bình quân đạt 8,71 năm, giúp kéo dài kỳ hạn còn lại của danh mục nợ TPCP lên 5,98 năm (so sánh với mức 4,44 năm cùng kỳ năm trước). Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, tiết kiệm chi phí vay nợ cho Ngân sách nhà nước (mức lãi suất bình quân cả năm 2016 đạt 6,49%).

Thị trường trái phiếu Doanh nghiệp năm 2016 cũng diễn ra khá sôi động với hơn 129.000 tỷ đồng phát hành, trong đó khối Ngân hàng thương mại chiếm 34% khối lượng phát hành. Tính đến 31/12/2016, dư nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt khoảng 244.000 tỷ đồng, tăng gần 40.000 tỷ đồng so với cùng kỳ 2015.

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo (%)</i>	<i>Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)</i>
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	562.35%	562.35%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	444.38%	444.38%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	7,57%	8,84%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	7,57%	27,93%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	(9,18%)	(9,18%)

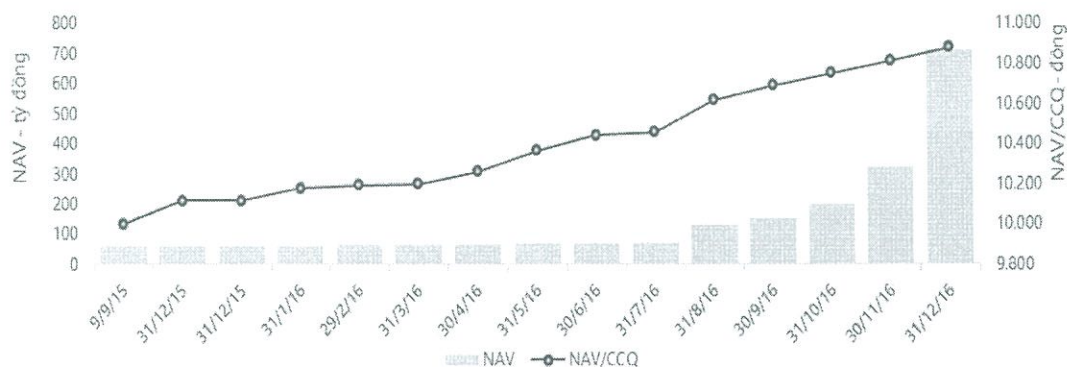
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng cho giai đoạn từ khi thành lập tới ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Quỹ:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	710.988.376.645	62.222.490.113	1.042,65%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	10.883,72	10.118,10	7,57%

4.2 Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo:

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	101	137.661,26	0,21%
Từ 5.000 đến 10.000	76	617.155,77	0,94%
Từ 10.000 đến 500.000	505	47.254.488,35	72,34%
Trên 500.000	16	17.316.496,32	26,51%
	698	65.325.801,70	100,00%

5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Năm 2017, dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế thế giới được dự báo có nhiều biến động, thị trường tài chính - tiền tệ trong nước vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến khó lường. Trong tháng 1/2017, Bộ Tài chính đã thông báo kế hoạch phát hành 250.000 tỷ đồng TPCP năm 2017, nhằm bù đắp cho gần 150.000 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn trong năm và bổ sung cho Ngân sách.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) sẽ xây dựng và triển khai vận hành website công bố thông tin trái phiếu doanh nghiệp trong Quý IV/2017. Bên cạnh đó, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) dự kiến thành lập công ty xếp hạng tín nhiệm trái phiếu doanh nghiệp, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bên cạnh thị trường trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong thời gian tới.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Xuân Minh

Chủ tịch

Ông Minh có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý quỹ. Ông là thành viên sáng lập Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Asset Management – VAM, giữ chức vụ Giám đốc điều hành và Chủ tịch Hội đồng Đầu tư. Ông có 10 năm kinh nghiệp tại Công ty Franklin Templeton Investments (chức vụ: Trưởng đại diện tại Việt Nam; Phó Chủ tịch cao cấp tại Singapore). Ông hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Ông Minh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Dầu khí tại Liên Bang Nga và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Đầu tư – Đại học học Chứng khoán Úc. Ông Minh có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và Chứng chỉ CFA từ năm 2003.

Ông Phan Lê Hòa

Thành viên

Ông Hòa có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và quản lý quỹ. Ông Hòa hiện là Giám Đốc Thị trường vốn và Quan hệ Đầu tư tại Công ty CP Tập đoàn đầu tư Địa ốc Nova. Ông Hòa từng là Chuyên viên phân tích cao cấp tại Công ty Quản lý quỹ VietFund Manangement và có hơn 8 năm đảm nhiệm vị trí Phó Giám đốc Đầu tư ngành Bất động sản - Tiêu dùng toàn cầu tại văn phòng Singapore và Văn phòng Đại diện tại Tp. HCM của Công ty Temasek Holdings Private Limited.

Ông Hòa tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại trường Đại học Ngoại Thương, bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh (MBA) tại Viện Quản lý Châu Á, Philippines và bằng CFA từ năm 2007.

Ông Đặng Thế Đức

Thành viên

Ông Đức có hơn 18 năm kinh nghiệm hành nghề luật kinh doanh tại Việt Nam, trong đó tập trung vào đầu tư trong nước, giao dịch doanh nghiệp, cổ phần tư nhân, M&A, chứng khoán, giao dịch thị trường vốn và tài trợ dự án. Ông Đức đã tư vấn cho một số quỹ đầu tư nước ngoài và địa phương lớn và nhà quản lý quỹ liên quan đến cơ cấu kinh doanh, các giao dịch M&A tại Việt Nam.

Ông Đức hiện là Giám đốc điều hành (Managing Partner) tại Công ty Tư vấn luật Indochine Counsel; nhà phân tích thường xuyên cho các tạp chí kinh doanh hàng đầu tại Việt Nam (Kinh tế Sài Gòn, Nhịp cầu đầu tư, Đầu tư chứng khoán).

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thông tin về Ban Đại diện Quỹ (tiếp theo)

Bà Nguyễn Thị Vĩnh Hà

Thành viên

Bà Hà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bà Hà gia nhập Công ty Kiểm toán Grant Thornton (Việt Nam) từ năm 1996, bà Hà đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng như Chủ nhiệm Kiểm toán, Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp, Giám đốc Kiểm toán và hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam).

Bà Hà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kế toán; Đại học Ngoại ngữ Hà Nội chuyên ngành Tiếng Anh. Bà Hà đã có chứng chỉ Kiểm toán viên, chứng chỉ Thẩm định giá của Bộ Tài Chính đồng thời đạt các chứng chỉ kiểm toán và tài chính cấp quốc tế như ACCA của Hiệp hội kế toán công chứng Anh và CFA của học viện CFA Hoa Kỳ từ năm 2012.



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ trong năm 2016, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

- Theo quy định tại Khoản 17, Điều 2, Thông tư số 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn việc thành lập và quản lý Quỹ mở và theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Điều Lệ Quỹ có hiệu lực trong năm 2015 quy định tỷ trọng đầu tư của Quỹ trái phiếu vào các loại trái phiếu, giấy tờ có giá chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá từ tháng 1 đến kỳ định giá ngày 06 tháng 04 năm 2016, tỷ trọng đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch đầu tư so với quy định hiện hành và quy định tại Điều lệ Quỹ, theo đó tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào các loại trái phiếu, giấy tờ có giá trên tổng giá trị tài sản ròng thấp hơn 80%.

Theo quy định tại Mục 1 Điều 1 Thông tư số 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 183 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 03 năm 2016 và Khoản 1 Điều 10 Điều Lệ Quỹ có hiệu lực từ tháng 4 năm 2016 có quy định tỷ trọng đầu tư của Quỹ trái phiếu vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác chiếm từ (80%) giá trị tài sản ròng trở lên, theo đó tiền gửi được hiểu là một trong các công cụ có thu nhập cố định. Theo đó, tại kỳ định giá ngày 13 tháng 04 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã khắc phục đối với các sai lệch phát sinh từ tháng 1 đến kỳ định giá ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Tại một số kỳ định giá trong tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8 và tháng 11, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định trên tổng giá trị tài sản ròng thấp hơn 80% giá trị tài sản ròng. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật.

Tại kỳ định giá ngày 06 tháng 12 năm 2016, Công ty quản lý đã thực hiện điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng quy định tại Mục 1, Điều 1, Thông Thông tư 15 và Điều 10 Điều lệ Quỹ.

- Theo Điểm a Mục 4 Điều 15 Thông tư 183 và Khoản 1 Điều 10 Điều lệ Quỹ có hiệu lực từ trong năm 2015 quy định Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan. Tại các kỳ định giá từ ngày 06 tháng 01 năm 2016 đến ngày 17 tháng 02 năm 2016, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 49% tổng giá trị tài sản. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Theo quy định tại Mục 10, Điều 1, Thông tư 15 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 03 năm 2016 và Khoản 1, Điều 10, Điều Lệ Quỹ có hiệu lực từ tháng 4 năm 2016 có quy định tỷ trọng đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ sẽ không áp dụng đối với quỹ trái phiếu.

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hưng, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000

Fax : (84 4) 3837 8356

Swift: SCBLNVX

Here for good



- Theo Mục 10 Điều 1 Thông tư 15 và Điều 10 Điều Lệ Quỹ quy định Quỹ không được được đầu tư quá hai mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, cổ phiếu hoặc trái phiếu chuẩn bị niêm yết, trái phiếu chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành, chứng khoán phái sinh niêm yết hoặc giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán với mục tiêu phòng ngừa rủi ro được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ định giá từ ngày 06 tháng 01 đến ngày 17 tháng 02 năm 2016, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào tiền gửi tại một tổ chức tín dụng đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 30% tổng giá trị tài sản của quỹ.

Từ kỳ định giá ngày 23 tháng 02 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ Mục 10 Điều 1 Thông tư 15 và Khoản 1 Điều 10 Điều Lệ Quỹ.

- Theo Mục 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 10, Điều Lệ Quỹ quy định Quỹ không được được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại một số kỳ định giá trong tháng 4, tháng 6 và tháng 7, tỷ trọng đầu tư của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định hiện hành về Quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong năm 2016, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Sỹ Hoàng

Trưởng bộ phận nghiệp vụ chứng khoán

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Hương Giang

Phụ trách Bộ phận Giám Sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hưng, Me Tri Ward,
South Tu Liem District, Hanoi

Tel : (84 4) 3936 8000
Fax : (84 4) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61273533/18607598-TCBF

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà Đầu tư
Quý Đầu tư Trái phiếu Techcom**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (“Quỹ”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 16 đến trang 51, bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2487-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THU NHẬP
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		13.627.042.245	1.291.655.159
3	1.1. Tiền lãi được nhận		8.791.798.953	881.631.385
4	1.2. Lãi/(Lỗ) bán các khoản đầu tư	5	4.244.972.467	410.012.663
5	1.3. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	590.270.825	11.111
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		253.756.694	27.410.155
11	2.1. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	253.756.694	27.410.155
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		3.307.117.579	540.199.617
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ mở		2.061.789.130	286.922.991
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở		166.957.820	47.771.193
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		267.489.634	82.133.333
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		239.414.814	73.920.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	38.500.000
20.7	3.7. Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		94.726.000	-
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		55.000.000	-
20.10	3.10. Chi phí hoạt động khác	8	289.740.181	10.952.100
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.066.167.972	724.045.387
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		10.066.167.972	724.045.387
31	6.1. Thu nhập đã thực hiện		9.475.897.147	724.034.276
32	6.2. Thu nhập chưa thực hiện	6	590.270.825	11.111
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		10.066.167.972	724.045.387

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	11	213.739.818.771	13.830.204.871
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		93.739.818.771	13.830.204.871
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		120.000.000.000	-
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	568.948.068.851	46.397.200.000
121	2.1. Các khoản đầu tư		435.122.671.891	11.397.200.000
	2.2. Chứng chỉ tiền gửi		98.825.396.960	-
	2.3. Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng		35.000.000.000	35.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	12	11.797.719.832	2.471.728.253
133	3.1. Phải thu, tiền lãi các khoản đầu tư		11.797.719.832	2.470.743.175
136	3.1.1. Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận		11.797.719.832	2.470.743.175
137	3.2. Phải thu khác		-	985.078
100	TỔNG TÀI SẢN		794.485.607.454	62.699.133.124
	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ		30.167.989	49.011.695
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.278.298	100.365
317	4. Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	13	82.553.815.948	260.820.000
318	5. Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	-
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	14	742.468.574	166.710.951
320	7. Phải trả khác	15	167.500.000	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		83.497.230.809	476.643.011
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ			
411	1. Vốn góp của Nhà Đầu tư	16	710.988.376.645	62.222.490.113
412	1.1. Vốn góp phát hành		653.258.017.000	61.496.199.600
413	1.2. Vốn góp mua lại		719.281.857.500	61.939.275.200
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư		(66.023.840.500)	(443.075.600)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	46.940.146.286	2.245.126
			10.790.213.359	724.045.387
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.883,72	10.118,10
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
004	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	65.325.801,70	6.149.619,96

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	62.222.490.113	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	10.066.167.972	724.045.387
	<i>Trong đó:</i>		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ mở trong năm	10.066.167.972	724.045.387
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do phân chia lợi nhuận/tài sản của quỹ mở cho Nhà Đầu tư trong năm	-	-
III	Thay đổi giá trị tài sản ròng do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	638.699.718.560	61.498.444.726
	<i>Trong đó:</i>		
1	Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng	-	60.653.750.000
2	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	708.916.957.432	1.292.000.000
3	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(70.217.238.872)	(447.305.274)
IV	Giá trị tài sản ròng cuối năm	710.988.376.645	62.222.490.113

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
I	TRÁI PHIẾU				
1	Trái phiếu doanh nghiệp VinGroup - VIC11501	223.400	101.901	22.764.589.572	2,87%
2	Trái phiếu doanh nghiệp VinGroup - VIC11502	457.003	102.321	46.760.885.142	5,89%
3	Trái phiếu doanh nghiệp VinGroup - VIC11503	114.858	102.841	11.812.104.687	1,49%
4	Trái phiếu doanh nghiệp VinGroup - VIC11504	332.000	102.397	33.995.923.520	4,28%
5	Trái phiếu doanh nghiệp Masan	6	1.000.000.000	6.000.000.000	0,76%
6	Trái phiếu doanh nghiệp - ANC11601	1.000.000	99.913	99.912.530.000	12,58%
7	Trái phiếu doanh nghiệp - Novaland 01	4.337	92.232	400.010.184	0,05%
8	Trái phiếu doanh nghiệp - Novaland 02	8.660	92.383	800.036.780	0,10%
9	Trái phiếu doanh nghiệp - Novaland 03	24.567	87.568	2.151.288.706	0,27%
10	Trái phiếu doanh nghiệp - Novaland 04	280.000	100.100	28.028.070.000	3,52%
11	Trái phiếu doanh nghiệp - MSN112020	30	1.000.341.110	30.010.233.300	3,78%
12	Trái phiếu Chính phủ - TD1621454	1.000.000	102.957	102.957.000.000	12,95%
13	Trái phiếu Chính phủ - TD1646495	500.000	99.060	49.530.000.000	6,23%
	Tổng			435.122.671.891	54,77%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Phải thu lãi trái phiếu			10.560.108.720	1,33%
2	Phải thu lãi tiền gửi			1.237.611.112	0,16%
	Tổng			11.797.719.832	1,49%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
III	TIỀN				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở			213.739.818.771	26,90%
2	Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn			98.825.396.960	12,43%
3	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng			35.000.000.000	4,41%
	Tổng			347.565.215.731	43,74%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			794.485.607.454	100%

Người lập:

Bà Vũ Thanh Hằng
 Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:

Bà Phan Thị Thu Hằng
 Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
 Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		10.066.167.972	724.045.387
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</i>			
	Đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(590.270.825)	(11.111)
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		9.475.897.147	724.034.276
	<i>Các thay đổi trong năm của các khoản phải thu, các khoản phải trả từ hoạt động đầu tư:</i>			
	- Tăng các khoản đầu tư		(521.960.598.026)	(46.397.188.889)
07	- Giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(9.326.976.657)	(2.470.743.175)
08	- Tăng/Giảm các khoản phải thu khác		985.078	(985.078)
10	- Tăng phải trả cho người bán			
11	- Tăng/Giảm phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(18.843.706)	49.011.695
13	- Tăng phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.177.933	100.365
14	- Giảm phải trả cho Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		82.292.995.948	260.820.000
15	- Tăng phải trả cho Nhà Đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ			
16	- Tăng phải trả phải nộp khác		167.500.000	-
17	- Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		575.757.623	166.710.951
19	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(438.790.104.660)	(47.668.239.855)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở	15	708.916.957.432	61.945.750.000
32	Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở	15	70.217.238.872	447.305.274
30	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		638.699.718.560	61.498.444.726
40	III. Tăng/ giảm tiền thuần trong năm		199.909.613.900	13.830.204.871

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		13.830.204.871	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		13.830.204.871	-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		13.830.204.871	-
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		-	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	11	213.739.818.771	13.830.204.871
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		93.739.818.771	13.830.204.871
	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng		120.000.000.000	-
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		199.909.613.900	13.830.204.871

Người lập:



Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Người phê duyệt:



Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom (“Quỹ”) được thành lập ngày 8 tháng 9 năm 2015 dưới hình thức quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật chứng khoán, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy chế thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 19/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 8 tháng 9 năm 2015, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 60.653.750.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.065.375,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 653.258.017.000 đồng Việt Nam, tương đương với 65.325.801,70 chứng chỉ quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/UBCK-GP ngày 21 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và theo các giấy phép điều chỉnh.

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Ngân hàng mẹ), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm đến thời điểm hiện tại của Công ty là quản lý danh mục đầu tư và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật. Công ty có Trụ sở chính tại tầng 10, Tòa nhà Techcombank, số 191, Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 60.653.750.000 đồng Việt Nam, tương đương với 6.065.375,00 chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 653.258.017.000 đồng Việt Nam, tương đương với 65.325.801,70 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Quỹ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Ngày định giá trước ngày 09 tháng 05 năm 2016 là Thứ Tư hàng tuần và sau đó là Thứ Ba hàng tuần cho kỳ định giá tuần và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo đối với việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm theo luật định.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị Quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Trước ngày 09 tháng 05 năm 2016, Chứng chỉ Quỹ được giao dịch định kỳ vào thứ Tư hàng tuần và sau đó là thứ Ba hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Nếu ngày thứ Ba không phải là ngày làm việc thì Ngày giao dịch sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Hai, thì ngày giao dịch sẽ được chuyển sang thứ Ba ngay sau đó. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ. Việc thay đổi ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- ▶ Đầu tư tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên của Quỹ vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác;
- ▶ Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào tiền gửi; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.
- ▶ Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ); cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ ;
- ▶ Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- ▶ Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- ▶ Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại hiếm;

Trừ ba (03) trường hợp cuối kể trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- ▶ Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- ▶ Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- ▶ Thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- ▶ Hoạt động hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sát nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu tháng (06), tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; và
- ▶ Quỹ đang trong thời gian giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 8 tháng 9 năm 2015 (ngày lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2.2 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán*

Báo cáo tài chính của Quý được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC (Thông tư số 198) ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở và Thông tư số 183/2011/TT-BTC (Thông tư số 183) ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC (Thông tư số 15) ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183.

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành, báo cáo tài chính của Quý bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo thu nhập, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo danh mục đầu tư, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quý là nhật ký chung.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (nhưng đang có kế hoạch niêm yết), trái phiếu có bảo lãnh Chính phủ và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (03) tháng.

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư số 198.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư”, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục “Dự thu trái tức, tiền lãi gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi này cộng lãi chưa được thanh toán tính tới trước ngày định giá.
- ▶ Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và các công cụ nợ khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán cộng lãi chưa thanh toán tính tới trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý được xác định theo các nguyên tắc định giá được trình bày dưới đây.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Dự thu trái tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183, Thông tư 15 và sổ tay định giá được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

- ▶ Tiền là số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn được xác định là giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, tín phiếu Kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
- ▶ Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ▶ Trái phiếu chưa niêm yết:

Trái phiếu chưa niêm yết được xác định là giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc

- ✓ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- ▶ *Cổ phiếu*

- i. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch Chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ *Cổ phiếu (tiếp theo)*

- ii. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom: được đánh giá theo giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iii. Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch được định giá dựa trên:

Giá trị trung bình của các giao dịch thực hiện thành công được cung cấp tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:

- ✓ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc
- ✓ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;
- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- iv. Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch được xác định là một trong các giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua; hoặc
- ✓ Giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- v. Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể phá sản được xác định là một trong các mức giá sau:

- ✓ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

- vi. Cổ phần, phần vốn góp khác được định giá là một trong các mức giá sau:

- ✓ Giá trị sổ sách; hoặc
- ✓ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc
- ✓ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

▶ *Chứng khoán phái sinh*

- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- ✓ Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (02) tuần trở lên giá được xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

▶ *Các tài sản khác*

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Lãi/(lỗ) do đánh giá lại các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.5 Các khoản phải trả

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Quỹ có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Quỹ có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà Đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Số lượng Chứng chỉ Quỹ sau khi phân phối là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà Đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ ở phát hành lần đầu và các lần tiếp theo. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà Đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ. Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà Đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện và lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho Nhà Đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Trái tức

Thu nhập trái tức được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận trái tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.9 *Chi phí*

Các chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quý phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

Phí quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Phí quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí Quản lý sẽ là 1,5% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Phí giám sát và phí lưu ký

Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quý. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ Giám sát Quý sẽ là 0,05% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT.

Phí lưu ký sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/tháng không có thuế VAT.

Phí giao dịch chứng khoán: 150.000 VND/giao dịch.

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm Lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí (tiếp theo)

Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị Quỹ sẽ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT.

Phí Đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức phí (chưa bao gồm thuế VAT)
1	Phí cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Phí giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản)	
	- Đối với 400 giao dịch đầu tiên	Miễn phí
	- Đối với giao dịch từ số 401 trở đi	0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng Chứng chỉ Quỹ giao dịch x giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ Quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Phí thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	1.000.000 đồng/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà Đầu tư.

Chi phí khác

Chi phí khác được Pháp luật cho phép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà Đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà Đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% (năm 2015: 22%) lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Trong năm đến ngày lập báo cáo này, Quỹ chưa chi trả cổ tức cho Nhà Đầu tư.

b. *Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ Nhà Đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà Đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

4.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

4.12 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Tổng giá trị thu từ việc bán các khoản đầu tư VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến ngày giao dịch gần nhất VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán cho năm 2016 VND</i>
Trái phiếu	411.084.324.150	406.839.351.683	4.244.972.467

6. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh số cho năm 2016</i>
Trái phiếu	434.532.389.696	435.122.671.891	590.282.195	11.111	590.271.084
Chứng chỉ tiền gửi	98.825.397.219	98.825.396.960	(259)	-	(259)
Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-
Tổng	568.357.786.915	568.948.068.851	590.281.936	11.111	590.270.825

7. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm 2016 VND</i>	<i>Năm 2015 VND</i>
Phí môi giới mua cổ phiếu, trái phiếu	252.084.340	27.352.655
Phí thanh toán bù trừ tại VSD	1.672.354	57.500
	253.756.694	27.410.155

8. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm 2016 VND</i>	<i>Năm 2015 VND</i>
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	10.000.000	5.000.000
Phí ngân hàng	37.540.181	5.952.100
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	240.000.000	-
Chi phí đăng tải công bố Báo cáo Tài chính	2.200.000	-
	289.740.181	10.952.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA TỪNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Chi tiết giá trị giao dịch và chi phí giao dịch theo từng công ty môi giới chính trong năm như sau:

STT	Các Công ty Chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán		Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm báo cáo của Quỹ qua Công ty Chứng khoán trong năm báo cáo VND	
1	Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC)	Không liên quan	228.335.155.501	1.077.813.664.106	0,02%
2	Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI)	Không liên quan	206.732.757.779	1.077.813.664.106	0,02%
3	Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Không liên quan	81.683.370.000	1.077.813.664.106	0,02%
4	Công ty cổ phần chứng khoán MB	Không liên quan	316.519.353.404	1.077.813.664.106	0,02%
5	Công ty cổ phần chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	1.650.039.314	1.077.813.664.106	0,02%
6	Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (TCBS)	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	192.756.988.108	1.077.813.664.106	0,02% - 0,1%
7	Công ty chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)	Không liên quan	50.136.000.000	1.077.813.664.106	0,02%
	Tổng cộng		1.077.813.664.106	1.077.813.664.106	0,02% - 0,1%

(*) Tỷ lệ phí giao dịch là từ 0,15% đối với các giao dịch cổ phiếu và 0,02%/giá trị hợp đồng đối với giao dịch trái phiếu. Năm 2016, Quỹ chỉ thực hiện các giao dịch trái phiếu.

Quý Đầu tư Trái phiếu Techcom

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

ST T	Trái phiếu chưa niêm yết	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND	
		Giá mua VND	Giá trị hợp lý VND	Tăng VND		(Giảm) VND
1	Trái phiếu doanh nghiệp Vingroup – VIC11501	22.549.169.015	22.764.589.572	215.420.557	-	22.764.589.572
2	Trái phiếu doanh nghiệp Vingroup – VIC11502	46.220.663.285	46.760.885.142	540.221.857	-	46.760.885.142
3	Trái phiếu doanh nghiệp Vingroup – VIC11503	11.494.306.484	11.812.104.687	317.798.203	-	11.812.104.687
4	Trái phiếu doanh nghiệp Vingroup – VIC11504	33.995.924.889	33.995.923.520	-	(1.369)	33.995.923.520
5	Trái phiếu doanh nghiệp – Masan	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000
6	Trái phiếu doanh nghiệp – ANC11601	100.000.000.000	99.912.530.000	-	(87.470.000)	99.912.530.000
7	Trái phiếu doanh nghiệp – Novaland 01	400.010.184	400.010.184	-	-	400.010.184
8	Trái phiếu doanh nghiệp – Novaland 02	800.036.780	800.036.780	-	-	800.036.780
9	Trái phiếu doanh nghiệp – Novaland 03	2.151.288.732	2.151.288.706	-	(26)	2.151.288.706
10	Trái phiếu doanh nghiệp – Novaland 04	28.028.072.062	28.028.070.000	-	(2.062)	28.028.070.000
11	Trái phiếu doanh nghiệp – MSN112020	30.010.233.333	30.010.233.300	-	(33)	30.010.233.300
12	Trái phiếu Chính phủ – TD1621454	103.352.712.329	102.957.000.000	-	(395.712.329)	102.957.000.000
13	Trái phiếu Chính phủ – TD1646495	49.529.972.603	49.530.000.000	27.397	-	49.530.000.000
	Tổng	434.532.389.696	435.122.671.891	1.073.468.014	(483.185.819)	435.122.671.891
	Chứng chỉ tiền gửi	98.825.397.219	98.825.396.960	-	(259)	98.825.396.960
	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
	Tổng cộng	568.357.786.915	568.948.068.851	1.073.468.014	(483.186.078)	568.948.068.851

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, chứng chỉ tiền gửi là chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng phát hành có thời hạn 18 tháng với lãi suất 12,75%/năm và Tổ chức Home Credit Việt Nam phát hành có thời hạn 18 tháng với lãi suất 9,70%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ tại:	11.186.002.823	13.569.384.871
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	<i>11.186.002.823</i>	<i>13.569.384.871</i>
Tiền gửi cho hoạt động mua bán của Nhà đầu tư	82.553.815.948	260.820.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	120.000.000.000	-
	<u>213.739.818.771</u>	<u>13.830.204.871</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Phải thu thu lãi trái phiếu	10.560.108.720	2.094.590.397
Phải thu lãi tiền gửi	1.237.611.112	376.152.778
Phải thu khác	-	985.078
	<u>11.797.719.832</u>	<u>2.471.728.253</u>

13. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Phải trả Nhà Đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	82.553.815.948	260.820.000
	<u>82.553.815.948</u>	<u>260.820.000</u>

14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Phải trả phí quản lý	644.710.690	78.710.951
Phải trả phí lưu ký tài sản	13.903.436	12.000.000
Phải trả phí quản trị quỹ	21.614.814	19.800.000
Phải trả phí giám sát	25.489.634	22.000.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	33.000.000	33.000.000
Phải trả phí giao dịch	3.750.000	1.200.000
	<u>742.468.574</u>	<u>166.710.951</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	-
Phải trả phí công tác của Ban Đại diện Quỹ	80.000.000	-
Phải trả phí kiểm toán	27.500.000	-
	167.500.000	-

16. VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Số dư đầu năm VND	Phát sinh trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	6.193.927,52	65.734.258,23	71.928.185,75
Giá trị ghi theo mệnh giá	61.939.275.200	657.342.582.300	719.281.857.500
Thặng dư vốn	6.474.800	51.574.375.132	51.580.849.932
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	61.945.750.000	708.916.957.432	770.862.707.432
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(44.307,56)	(6.558.076,49)	(6.602.384,05)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(443.075.600)	(65.580.764.900)	(66.023.840.500)
Thặng dư vốn	(4.229.674)	(4.636.473.972)	(4.640.703.646)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(447.305.274)	(70.217.238.872)	(70.664.544.146)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	6.149.619,96		65.325.801,70
Giá trị vốn góp hiện hành	61.498.444.726		700.198.163.286
Lợi nhuận chưa phân phối	724.045.387		10.790.213.359
NAV hiện hành	62.222.490.113		710.988.376.645
NAV hiện hành/1 chứng chỉ quỹ	10.118,10		10.883,72

Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 01/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ là 60.653.750.000 VND, tương ứng với 6.065.375.000,00 chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 10.000 VND/một chứng chỉ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Thu nhập đã thực hiện	724.034.276	10.199.931.423
Thu nhập chưa thực hiện	11.111	590.281.936
	724.045.387	10.790.213.359

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Cho năm 2016					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng/(giảm) giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND
1	06/01/2016	62.747.289.365	6.149.619,96	10.203,44	-
2	13/01/2016	62.642.562.192	6.153.050,17	10.180,73	(22,71)
3	20/01/2016	62.647.698.124	6.153.050,17	10.181,56	0,83
4	27/01/2016	63.025.930.130	6.188.899,21	10.183,70	2,14
5	01/02/2016	62.964.613.595	6.186.399,12	10.177,91	(5,79)
6	03/02/2016	63.022.614.311	6.186.399,12	10.187,28	9,37
7	17/02/2016	63.058.241.015	6.186.399,12	10.193,04	5,76
8	24/02/2016	63.540.297.641	6.232.886,62	10.194,36	1,32
9	01/03/2016	63.521.493.498	6.230.886,62	10.194,61	0,25
10	02/03/2016	63.550.418.197	6.230.886,62	10.199,25	4,64
11	09/03/2016	63.375.010.321	6.233.116,19	10.167,46	(31,79)
12	16/03/2016	63.595.138.755	6.233.116,19	10.202,78	35,32
13	23/03/2016	63.702.563.456	6.240.664,66	10.207,65	4,87
14	30/03/2016	63.651.181.825	6.241.145,70	10.198,63	(9,02)
15	01/04/2016	63.750.106.440	6.249.678,15	10.200,54	1,91
16	06/04/2016	63.862.585.402	6.249.678,15	10.218,53	17,99
17	13/04/2016	64.154.502.366	6.249.678,15	10.265,24	46,71
18	20/04/2016	63.937.321.613	6.223.744,58	10.273,12	7,88
19	27/04/2016	63.956.190.498	6.247.069,26	10.237,79	(35,33)
20	01/05/2016	64.011.821.623	6.238.657,95	10.260,51	22,72
21	05/05/2016	64.032.055.346	6.238.657,95	10.263,75	3,24
22	10/05/2016	64.120.552.810	6.238.657,95	10.277,94	14,19
23	17/05/2016	64.299.086.266	6.221.732,83	10.334,59	56,65
24	24/05/2016	69.976.708.434	6.816.738,05	10.265,42	(69,17)
25	31/05/2016	70.674.514.988	6.817.225,12	10.367,05	101,63
26	01/06/2016	70.831.395.245	6.832.581,64	10.366,71	(0,34)
27	07/06/2016	70.949.572.489	6.832.581,64	10.384,00	17,29
28	14/06/2016	70.924.745.997	6.827.660,96	10.387,85	3,85
29	21/06/2016	70.740.138.742	6.786.039,63	10.424,36	36,51
30	28/06/2016	70.977.346.706	6.797.347,45	10.441,91	17,55
31	01/07/2016	70.896.369.894	6.789.130,70	10.442,62	0,71
32	05/07/2016	70.817.648.811	6.789.130,70	10.431,03	(11,59)
33	12/07/2016	70.999.773.697	6.789.610,03	10.457,12	26,09
34	19/07/2016	70.915.350.875	6.788.801,28	10.445,93	(11,19)
35	26/07/2016	72.287.825.893	6.943.311,29	10.411,14	(34,79)
36	01/08/2016	74.315.579.531	7.105.933,98	10.458,24	47,10
37	02/08/2016	74.352.410.571	7.105.933,98	10.463,42	5,18
38	09/08/2016	77.353.387.325	7.317.939,87	10.570,37	106,95
39	16/08/2016	90.673.799.074	8.571.065,32	10.579,05	8,68

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Cho năm 2016					
STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	Giá trị tài sản ròng/1 chứng chỉ quỹ VND	Tăng (giảm) giá trị tài sản ròng/ 1 chứng chỉ quỹ VND
40	23/08/2016	105.005.551.878	9.926.072,76	10.578,76	(0,29)
41	30/08/2016	118.345.528.898	11.131.223,39	10.631,85	53,09
42	01/09/2016	131.482.672.228	12.383.438,89	10.617,62	(14,23)
43	06/09/2016	131.863.599.197	12.383.438,89	10.648,38	30,76
44	13/09/2016	146.728.664.028	13.756.652,86	10.666,01	17,63
45	20/09/2016	148.469.820.910	13.909.576,89	10.673,92	7,91
46	27/09/2016	143.698.719.400	13.465.980,13	10.671,24	(2,68)
47	01/10/2016	150.453.897.277	14.071.907,78	10.691,79	20,55
48	04/10/2016	150.359.080.126	14.071.907,78	10.685,05	(6,74)
49	11/10/2016	198.202.620.452	18.486.636,67	10.721,39	36,34
50	18/10/2016	214.972.847.834	20.037.350,42	10.728,60	7,21
51	25/10/2016	188.739.667.276	17.565.974,64	10.744,61	16,01
52	01/11/2016	200.377.348.378	18.633.143,14	10.753,81	9,20
53	08/11/2016	212.958.251.661	19.760.236,87	10.777,11	23,30
54	15/11/2016	218.746.428.740	20.290.427,78	10.780,76	3,65
55	22/11/2016	226.699.220.236	20.975.358,45	10.807,88	27,12
56	29/11/2016	246.224.617.151	22.776.387,67	10.810,52	2,64
57	01/12/2016	321.547.688.814	29.728.135,97	10.816,27	5,75
58	06/12/2016	322.062.228.758	29.728.135,97	10.833,58	17,31
59	13/12/2016	403.466.365.400	37.204.213,71	10.844,64	11,06
60	20/12/2016	486.993.107.820	44.812.539,25	10.867,34	22,70
61	27/12/2016	618.285.335.704	56.929.436,41	10.860,55	(6,79)
62	31/12/2016	710.988.376.645	65.325.801,70	10.883,72	23,17

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm:
 135.895.604.546

Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm:

▶ Mức cao nhất trong năm (VND)	106,95
▶ Mức thấp nhất trong năm (VND)	0,25

19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
	Chứng chỉ quỹ	Chứng chỉ quỹ
Loại hơn 1 năm	65.325.801,70	6.149.619,96
	65.325.801,70	6.149.619,96

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

20.1 Các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm 2016 VND</i>	<i>Năm 2015 VND</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý	2.061.789.130	286.922.991
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương	Cùng chủ sở hữu là Ngân hàng mẹ	Phí môi giới	91.130.825	14.741.756

Phí quản lý là 1,5% giá trị tài sản ròng một năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

Số dư trọng yếu với bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	Công ty Quản lý Quỹ	Phải trả phí quản lý	644.710.690	78.710.951
		Phải trả phí phát hành Chứng chỉ Quỹ	-	48.260.000
		Phải trả phí mua lại Chứng chỉ Quỹ	30.167.989	751.695

20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

20.2 Các hợp đồng then chốt khác

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm 2016 VND</i>	<i>Năm 2015 VND</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Phí giám sát	267.489.634	82.133.333
		Phí lưu ký	166.957.820	47.771.193
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ	239.414.814	73.920.000

Số dư trọng yếu tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi ngân hàng	93.739.818.771	13.830.204.871
		Phí lưu ký phải trả	13.903.436	12.000.000
		Phí giám sát phải trả	25.489.634	22.000.000
		Phí dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	21.614.814	19.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào trái phiếu có kế hoạch đăng ký niêm yết, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà Đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong giai đoạn từ ngày giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu

Các trái phiếu do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý giá rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm trái phiếu và tiền gửi ngân hàng.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các loại trái phiếu Quỹ nắm giữ là trái phiếu của các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam đang có kế hoạch niêm yết hoặc được Chính phủ bảo lãnh.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	-	30.167.989	-	-	-	30.167.989
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	3.278.298	-	-	-	3.278.298
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	82.553.815.948	-	-	-	82.553.815.948
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	742.468.574	-	-	-	742.468.574
Phải trả khác	-	167.500.000	-	-	-	167.500.000
	-	83.497.230.809	-	-	-	83.497.230.809
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015						
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ	-	49.011.695	-	-	-	49.011.695
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	100.365	-	-	-	100.365
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	-	260.820.000	-	-	-	260.820.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	-	166.710.951	-	-	-	166.710.951
	-	476.643.011	-	-	-	476.643.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và những chỉ tiêu liên quan chỉ áp dụng cho phần thuyết minh này. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ vẫn được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở theo quy định tại Thông tư số 198 và Thông tư số 183 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Quỹ theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

▶ **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

▶ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:**

- (i) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (ii) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- (iii) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- ▶ **Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:**
 - (i) Các tài sản tài chính mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tại thời điểm ghi nhận ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - (ii) Các tài sản tài chính được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - (iii) Các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng.
- ▶ **Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:**
 - (i) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - (ii) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - (iii) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Quý theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

- ▶ **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phi phân bổ**, bao gồm các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là các khoản nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	<i>Giá trị ghi sổ</i> VND	<i>Giá trị hợp lý</i> VND
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh		
- Trái phiếu	435.122.671.891	435.122.671.891
- Chứng chỉ tiền gửi	98.825.396.960	98.825.396.960
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu		
- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động quỹ mở	93.739.818.771	93.739.818.771
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	120.000.000.000	120.000.000.000
- Dự thu trái tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	11.797.719.832	11.797.719.832
	794.485.607.454	794.485.607.454
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả phí cho Công ty Quản lý Quỹ	30.167.989	30.167.989
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	82.553.815.948	82.553.815.948
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	742.468.574	742.468.574
Phải trả khác	167.500.000	167.500.000
	83.493.952.511	83.493.952.511

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	<i>Giá trị ghi sổ</i> VND	<i>Giá trị hợp lý</i> VND
Tài sản tài chính		
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh		
- Trái phiếu	11.397.200.000	11.397.200.000
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu		
- Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động quỹ mở	13.830.204.871	13.830.204.871
- Dự thu trái tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	2.470.743.175	2.470.743.175
	62.698.148.046	62.698.148.046
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả phí cho Công ty Quản lý Quỹ	49.011.695	49.011.695
Phải trả cho Nhà Đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	260.820.000	260.820.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	166.710.951	166.710.951
	476.542.646	476.542.646

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả nhà cung cấp và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng (nếu có) của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	1,52%	0,47%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS và VSD/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,32%	0,21%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,27%	0,18%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán(nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,04%	-
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	0,18%	-
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	2,43%	0,88%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	492,18%	57,38%
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu năm Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	61.496.199.600	-
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu năm	6.149.619,96	-
2	Thay đổi quy mô quỹ trong năm Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu	-	6.065.375,00
	Giá trị vốn huy động từ đợt phát hành lần đầu (theo mệnh giá)	-	60.653.750.000
	Số lượng chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong năm	65.734.258,23	128.552,52
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong năm (theo mệnh giá)	657.342.582.300 (6.558.076,49)	1.285.525.200 (44.307,56)
	Số lượng chứng chỉ quỹ mua lại trong năm		
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong năm khi đáp ứng lệnh của Nhà Đầu tư (theo mệnh giá)	(65.580.764.900)	(443.075.600)
3	Quy mô quỹ cuối năm Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm theo mệnh giá	653.258.017.000	61.496.199.600
	Tổng số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối năm	65.325.801,70	6.149.619,96
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối năm	0,01%	0,09%

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT (tiếp theo)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015
II	Các chỉ tiêu khác		
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 Nhà Đầu tư lớn nhất cuối năm	21,04%	98,95%
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu tư nước ngoài cuối năm	0,32%	0,12%
7	Số Nhà Đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm, kể cả giao dịch ký danh	698	82
8	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ cuối năm	10.883,72	10.118,10

24. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Quỹ và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 yêu cầu phải trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:



Bà Vũ Thanh Hằng
Chuyên viên Quản lý Quỹ

Bà Phan Thị Thu Hằng
Kế toán Trưởng

Ông Đặng Lưu Dũng
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2017